

THỰC TRẠNG HÀNH VI BẠO LỰC NGÔN NGỮ CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

ĐẬU NGUYỄN THANH BÌNH*, NGUYỄN DUY THÙY LINH
TRƯƠNG VĂN TIẾN*, TRẦN THỊ TÚ ANH
Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế
Email: dntbinh@dhsphue.edu.vn

Tóm tắt: Bạo lực ngôn ngữ là loại hành vi khá phổ biến và có tác động tiêu cực đến các mối quan hệ nhưng còn ít được các nhà nghiên cứu và giáo dục cũng như xã hội quan tâm. Bài báo nghiên cứu thực trạng hành vi bạo lực ngôn ngữ của học sinh trung học trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Dữ liệu khảo sát từ 708 học sinh tại 2 trường Trung học cơ sở (THCS) và 2 trường Trung học phổ thông (THPT) trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế cho thấy học sinh trung học đang thực hiện hành vi bạo lực ngôn ngữ ở các mức độ khác nhau, trong đó những hành vi được thực hiện với tỷ lệ lớn là “*Nói những lời xúc phạm*”, “*Nói rằng họ thật vô lý*”, “*Nổi nóng và nặng lời*”, ... Hành vi bạo lực ngôn ngữ có sự khác biệt về giới tính và độ tuổi. Để ngăn chặn và phòng ngừa tình trạng sử dụng bạo lực ngôn ngữ, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà giáo dục với gia đình và xã hội.

Từ khoá: Bạo lực ngôn ngữ, học sinh trung học, tỉnh Thừa Thiên Huế.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Báo cáo của Tổ chức phát triển cộng đồng tập trung vào trẻ em và Trung tâm nghiên cứu quốc tế về phụ nữ (ICRW) vào năm 2015 đã chỉ ra rằng cứ 10 học sinh thì có đến bảy em từng trải nghiệm bạo lực học đường. Báo cáo dựa trên kết quả nghiên cứu với mẫu gồm 9.000 học sinh ở lứa tuổi 12-17 tại năm quốc gia bao gồm Campuchia, Việt Nam, Indonesia, Pakistan và Nepal, trong đó Việt Nam đứng thứ hai với 71% học sinh hứng chịu nạn bạo lực ở mọi hình thức (Bhatla và cộng sự, 2014) [2].

So với bạo lực về mặt thể xác thì bạo lực ngôn ngữ là dạng hành vi bạo lực chưa được cộng đồng quan tâm đúng mức, tương ứng với những hệ lụy to lớn mà nó gây ra. Các nhà nghiên cứu thường tập trung đến bắt nạt/ bạo lực thể chất, ít quan tâm đến khía cạnh tâm lý-xã hội của vấn nạn bạo lực học đường; và bạo lực ngôn ngữ chỉ được đề cập như một yếu tố không đáng kể dù nó được đánh giá là hành vi khởi đầu cho các hành vi bạo lực khác (Osofsky, 1999) [11].

Bạo lực ngôn ngữ là hành vi sử dụng ngôn ngữ, bao gồm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, nhằm mục đích chế giễu, xúc phạm, đe dọa, chỉ trích, cường bức, hạ thấp giá trị, tấn công tâm lý người khác, nhằm mục đích làm hỏng các mối quan hệ xã hội, gây nên những tổn thương về tinh thần và cảm giác được chấp nhận của nạn nhân. Mặc dù còn nhiều tranh cãi nhằm xây dựng một định nghĩa chung nhất, song phần lớn các nghiên cứu đồng ý rằng bạo lực ngôn ngữ bao gồm một số hành vi như gọi tên, la mắng, đe dọa

chế giễu, trêu chọc, bôi nhọ, lăng mạ... (Attar-Schwartz & Khoury-Kassabri, 2015; Crick & Grotpeter, 1996) [1] [4].

Bạo lực ngôn ngữ được xem là loại lạm dụng có thể ảnh hưởng đến mọi đối tượng với bất kỳ khả năng hoặc hiểu biết giao tiếp nào. Các hành vi bạo lực ngôn ngữ là cách phổ biến nhất để kẻ bắt nạt cố gắng kiểm soát hành vi, suy nghĩ, cảm xúc của người khác, khiến họ làm những gì mà kẻ bắt nạt muốn dưới chiêu bài yêu thương, tôn trọng hoặc xua đuổi và gieo rắc nỗi sợ hãi. Nạn nhân của bạo lực ngôn ngữ thường mắc phải các chứng đau mãn tính, đau nửa đầu, đau đầu thường xuyên, nói lắp, loét và co cứng đại tràng, thường xuyên khó tiêu, tiêu chảy, táo bón cùng với bệnh tim mạch do stress. Mặt khác, các tác động tâm lý gây nên do bị bạo lực ngôn ngữ bao gồm căng thẳng, sợ hãi, lo lắng, trầm cảm, và hậu chấn tâm lý (PTSD), kéo theo các vấn đề về giấc ngủ, suy giảm trí nhớ và tập trung, các hành vi tự gây thương tổn...(Kellie Holly, 2012) [15].

Xét về phương diện hình thành và phát triển nhân cách, bạo lực ngôn ngữ có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với trẻ vị thành niên. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng trẻ bị lạm dụng thể chất kết hợp với các hành vi gây hấn tâm lý biểu hiện sự suy giảm sức tập trung và trí nhớ, do đó có kết quả học tập thấp hơn so với nhóm trẻ khác. Các em tự nhận rằng bản thân kém năng lực hơn trong xử lý các công việc ở trường, kém thoải mái hơn với hành vi của chính mình và nhìn chung, cảm thấy kém xứng đáng hơn. Việc phải trải qua những trải nghiệm xã hội tiêu cực trong bối cảnh trường học, đặc biệt là bị từ chối và trở thành nạn nhân của các bạn đồng trang lứa đã được phát hiện là nguy cơ khiến trẻ gặp khó khăn với khả năng tự kiểm soát, kết quả sức khỏe tiêu cực và xu hướng thực hiện các hành vi phạm pháp, trầm cảm, thất bại trong học tập (Brendgen, 2006) [3]. Bên cạnh đó, còn là các hệ lụy mà trẻ phải trải qua như đau khổ về cảm xúc, sợ ở một mình, thiếu hụt khả năng ngôn ngữ và thất bại trong học tập.

Tại Việt Nam hiện nay, còn khá ít nghiên cứu chuyên sâu về hành vi bạo lực ngôn ngữ. Trong khi đó, tình trạng bạo lực ngôn ngữ đang có chiều hướng gia tăng và đã được báo chí và các phương tiện truyền thông phản ánh khá nhiều trong thời gian qua. Để có cơ sở khoa học cho việc xây dựng các chương trình ngăn ngừa và giảm thiểu tình trạng bạo lực ngôn ngữ ở học sinh, cần thiết tiến hành nghiên cứu thực tiễn về hành vi bạo lực ngôn ngữ. Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng hành vi bạo lực ngôn ngữ của học sinh trung học trên địa bàn thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp phòng ngừa, can thiệp tình trạng thực hiện hành vi gây hấn ở học sinh.

2. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Khách thể nghiên cứu: Khách thể nghiên cứu là 708 học sinh THCS và THPT tại thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, trong đó 42,4% là học sinh nam, 57,6% là học sinh nữ; 67,2% là học sinh THPT, 32,8% là học sinh THCS.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu sử dụng Thang đo Gây hấn bằng lời (The Verbal Aggressiveness Scale – VAS) của Infante và Wigley (Infante, D. A., & Wigley, C. J., 1986) [7] để thu thập dữ liệu. Thang đo này đã được Thích nghi hóa trên đối tượng học sinh Trung học ở Việt Nam, gồm hai tiểu thang đo “Gây hấn” và “Ôn hòa” với độ

tin cậy Cronbach Alpha lần lượt là 0,65 và 0,73 (Trần Thị Tú Anh và cộng sự, 2019) [12]. Thang đo gồm 20 items. Trong quá trình thích nghi, 2 items đã được loại bỏ nhằm nâng cao chỉ số CFI của thang đo. 18 items còn lại được chia làm 2 nhân tố, mỗi nhân tố có 9 items. Nhân tố 1 bao gồm tất cả item thuận, để đo hành vi gây hấn bằng lời, được đặt tên là “Gây hấn”, ví dụ: *Khi bạn không làm theo điều em muốn, em nói những lời xúc phạm để khiến bạn ấy thay đổi; Khi bạn bè không thay đổi ý kiến về một vấn đề quan trọng nào đó, em nổi nóng và nặng lời với họ*. Nhân tố 2 bao gồm tất cả các item nghịch, để đánh giá những hành vi ôn hoà, bao dung, được đặt tên là “Ôn hoà”, ví dụ: *Em từ chối tham gia vào các cuộc tranh luận khi nó liên quan đến việc công kích mang tính cá nhân; Em cực kỳ cẩn thận để tránh không hạ thấp khả năng của bạn bè khi em phản bác lại ý kiến của họ*.

Các items được đánh giá với 5 mức độ xác định tần suất thực hiện các hành vi, tương ứng với các điểm số như sau: Hầu như không bao giờ đúng với em (1 điểm), Hiếm khi đúng với em (2 điểm), thỉnh thoảng đúng với em (3 điểm), Thường thường đúng với em (4 điểm), Hầu như luôn luôn đúng với em (5 điểm). Hành vi bạo lực ngôn ngữ được đánh giá thông qua tổng điểm. Trong nghiên cứu này, hệ số Alpha của Cronbach cho thấy tất cả các biến quan sát đều đạt yêu cầu về hệ số tương quan item – tổng với giá trị trung bình tương quan đều trên 0,3; giá trị trung bình hệ số tương quan giữa các item nằm trong khoảng từ 0,15 đến 0,5.

Bài báo này sử dụng phương pháp phân tích thống kê mô tả với các thông số là điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC) để mô tả hành vi bạo lực ngôn ngữ của học sinh trung học.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1 Đánh giá chung về hành vi bạo lực ngôn ngữ của học sinh trung học

Số liệu ở Bảng 1 cho thấy các hành vi gây hấn được học sinh thực hiện ở các mức độ khác nhau; nhìn chung, tần suất thực hiện các hành vi bạo lực ngôn ngữ này ở dưới mức “Thỉnh thoảng” (ĐTB của các hành vi đều dưới 3). Trong nhóm các hành vi gây hấn, hành vi học sinh trung học có xu hướng thực hiện nhiều nhất là “*Khi một bạn cư xử không đúng đắn, em nặng lời với bạn để bạn ấy thức tỉnh mà thực hiện những hành vi phù hợp*” (ĐTB = 2,97). 65,1% học sinh cho rằng việc thực hiện hành vi này là “Thỉnh thoảng đúng với em”, “Thường thường đúng với em” và “Hầu như luôn đúng với em”, trong đó 10,3% học sinh hầu như luôn thực hiện hành vi này.

Số liệu khảo sát cũng chỉ ra một tỉ lệ khá đông học sinh trung học thực hiện hành vi “*Khi bạn bè từ chối làm một việc rất quan trọng với em mà không đưa ra lý do chính đáng, em nói với các bạn ấy rằng họ thật là vô lý*” (ĐTB = 2,70), trong đó 10,9% học sinh nhận xét đây là hành vi “Hầu như luôn đúng với em”. Một hành vi Gây hấn nữa cũng có khá nhiều học sinh thường thực hiện là “*Nếu một bạn đáng phải chịu sự công kích về tính cách từ em thì em sẽ làm điều đó*” (ĐTB = 2,36). Mặc dù là những hành vi gây hấn phổ biến của học sinh trung học nhưng nhìn chung các items này không mang tính chất nghiêm trọng hay gây hại lớn cho mục tiêu.

Bảng 1. Điểm trung bình và độ lệch chuẩn thể hiện hành vi bạo lực ngôn ngữ ở HS trung học

STT	Hành vi bạo lực ngôn ngữ	ĐTB	ĐLC
A. Gây hấn		19,55	5,40
1	Khi bạn không làm theo điều em muốn, em nói những lời xúc phạm để khiến bạn ấy thay đổi.	1,81	0,93
2	Khi bạn bè từ chối làm một việc rất quan trọng với em mà không đưa ra lý do chính đáng, em nói với các bạn ấy rằng họ thật là vô lý.	2,70	1,29
3	Nếu một bạn đáng phải chịu sự công kích về tính cách từ em thì em sẽ làm điều đó.	2,36	1,13
4	Khi một bạn cư xử không đúng đắn, em nặng lời với bạn để bạn ấy thức tỉnh mà thực hiện những hành vi phù hợp.	2,97	1,17
5	Khi bạn bè không thay đổi ý kiến về một vấn đề quan trọng nào đó, em nổi nóng và nặng lời với họ.	2,32	1,12
6	Khi bạn bè xúc phạm em, em thấy đây là cơ hội để xúc phạm lại các bạn ấy.	1,94	1,14
7	Em thích cười nhạo, chế giễu bạn bè khi các bạn ấy làm điều gì đó ngớ ngẩn đối với em như một cách để động não họ.	1,81	1,06
8	Khi làm cách gì cũng không hiệu quả để khiến bạn bè làm theo điều em muốn, em sẽ lớn tiếng để họ thuận theo ý em.	1,91	1,09
9	Khi không thể làm giảm uy tín của ai đó, em khiến họ cảm thấy bị kích động và hành xử theo cách có thể làm xấu đi hình ảnh của họ trong mắt mọi người.	1,73	1,02
B. Ôn hòa		35,72	7,02
1	Em cực kỳ cẩn thận để tránh không hạ thấp khả năng của bạn bè khi em phản bác lại ý kiến của họ.	3,41	1,09
2	Em cố gắng để không làm bạn bè tự ti về bản thân họ khi em cố gắng khiến họ làm theo điều em muốn.	2,83	1,28
3	Khi một bạn hành xử trái với cách em mong đợi, em cố gắng thật nhẹ nhàng, từ tốn với bạn ấy.	3,39	1,12
4	Em cố gắng làm bạn bè không cảm thấy bản thân họ kém cỏi ngay cả khi ý kiến của họ là rất ngớ ngẩn đối với em.	3,23	1,22
5	Khi bạn bè chỉ trích những khuyết điểm của em, em đón nhận điều đó một cách vui vẻ và không cố gắng trả đũa lại.	3,21	1,28
6	Dù thực sự rất ghét ai đó, em vẫn cố gắng không thể hiện điều đó trong lời nói hay cách nói với họ.	3,25	1,31
7	Khi phản bác ý kiến của bạn bè, em cố gắng để không làm tổn thương cái tôi của họ.	3,57	1,21
8	Khi cố gắng khiến bạn bè làm điều em muốn, em nỗ lực để không xúc phạm họ.	3,51	1,21
9	Khi cuộc tranh luận chuyển hướng thành những công kích mang tính cá nhân, em cố gắng chuyển đề tài.	3,17	1,21

Hành vi “Xúc phạm” khi bạn không làm điều mình muốn và “Xúc phạm lại” khi bạn bè xúc phạm có chỉ số không cao, với ĐTB lần lượt là 1,81 và 1,94; nhưng đây là những biểu hiện của hành vi gây hấn bằng lời được đánh giá là nguyên nhân làm xảy ra các cuộc

đánh nhau ở thanh thiếu niên hoặc tàn phá các mối quan hệ bạn bè. Đây là một vấn đề thách thức hiện nay ở các trường học khi học sinh dùng những từ ngữ thiếu văn hoá, thiếu chuẩn mực để giao tiếp với nhau hàng ngày; thậm chí nhiều thanh thiếu niên còn dùng những từ ngữ thô tục để lăng mạ, xúc phạm nhân phẩm người khác.

Ngoài ra, hành vi *“Khi không thể làm giảm uy tín của ai đó, em khiến họ cảm thấy bị kích động và hành xử theo cách có thể làm xấu đi hình ảnh của họ trong mắt mọi người”* ít được học sinh thừa nhận nhất trong tiểu thang đo gây hấn (ĐTB = 1,73).

Chỉ số của các hành vi ôn hoà của học sinh trung học cao hơn hẳn so với các hành vi Gây hấn với tổng chung đạt gần 30 điểm. Hầu hết các hành vi đều có ĐTB trên 3 (trừ item 2). Hành vi tương thích nhất với học sinh là *“Khi phản bác ý kiến của bạn bè, em cố gắng để không làm tổn thương cái tôi của họ”*, với 33,5% học sinh nhận định hành vi này *“Thường thường đúng với em”* và 25,4% học sinh nhận định hành vi này *“Hầu như luôn luôn đúng với em”*.

Hai hành vi ôn hoà khác có chỉ số khá cao là *“Khi cố gắng khiến bạn bè làm điều em muốn, em nỗ lực để không xúc phạm họ”* và *“Em cực kỳ cẩn thận để tránh không hạ thấp khả năng của bạn bè khi em phản bác lại ý kiến của họ”* với ĐTB lần lượt là 3,51 và 3,41. Điều này cho thấy học sinh trung học có xu hướng thể hiện sự đồng cảm trong giao tiếp, đặc biệt là giao tiếp trong tình huống có xung đột ý kiến nhằm không làm tổn hại đến cảm xúc của đối phương.

3.2. Hành vi bạo lực ngôn ngữ của học sinh trung học dưới lát cắt giới tính

Nhiều nghiên cứu cho thấy học sinh nam có xu hướng sử dụng hành vi bạo lực ngôn ngữ nhiều hơn học sinh nữ; các em gái thường trở thành mục tiêu của các hành vi bạo lực, đặc biệt là lạm dụng tình dục bằng lời nói [6] [8] [13]. Kết quả trong nghiên cứu này cũng thống nhất với các công trình nghiên cứu trước đó. Điểm số của học sinh nam ở các hành vi bạo lực ngôn ngữ đều cao hơn một cách có ý nghĩa thống kê so với điểm số của các học sinh nữ. Sự khác biệt này có thể bắt nguồn từ việc thanh thiếu niên lạm dụng ngôn từ như một tín hiệu nhận dạng nhóm và giới tính không chính thức, những khác biệt về đặc điểm tâm – sinh lý, nhận thức và cảm xúc – xã hội giữa hai giới [5] [10] [9].

Kết quả kiểm định t-test ở Bảng 2 cho thấy nhìn chung học sinh nam thực hiện các hành vi gây hấn nhiều hơn so với học sinh nữ. Các hành vi *“Em thích cười nhạo, chế giễu bạn bè khi các bạn ấy làm điều gì đó ngớ ngẩn đối với em như một cách để động não họ”* và *“Khi bạn bè xúc phạm em, em thấy đây là cơ hội để xúc phạm lại các bạn ấy”* cho thấy sự chênh lệch rõ nhất giữa hai giới. Bên cạnh đó, một số items với biểu hiện rõ ràng như item 1, 4, 5, 8, 9 của phần gây hấn. Ở hành vi ôn hoà, sự khác biệt không đáng kể, chỉ có ở hành vi *“Khi phản bác ý kiến của bạn bè, em cố gắng để không làm tổn thương cái tôi của họ”*, học sinh nữ đều cao hơn một cách có ý nghĩa thống kê so với học sinh nam.

Cho đến nay, câu hỏi về việc liệu sự hung hăng có gây ra những biểu hiện tương tự đối với trẻ em gái hoặc trẻ em trai giữa các bạn cùng giới tính và bạn bè khác giới của em vẫn còn được tranh luận.

Bảng 2. Kết quả kiểm định t-test về sự khác biệt hành vi bạo lực ngôn ngữ giữa học sinh nam và học sinh nữ

STT	Hành vi bạo lực ngôn ngữ	Nam		Nữ		t(707)
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
A. Gây hấn		20,87	5,37	18,57	5,21	5,73***
1	Khi bạn không làm theo điều em muốn, em nói những lời xúc phạm để khiến bạn ấy thay đổi.	1,93	0,96	1,72	0,90	2,94**
2	Khi bạn bè từ chối làm một việc rất quan trọng với em mà không đưa ra lý do chính đáng, em nói với các bạn ấy rằng họ thật là vô lý.	2,75	1,34	2,67	1,25	0,83
3	Nếu một bạn đáng phải chịu sự công kích về tính cách từ em thì em sẽ làm điều đó.	2,37	1,121	2,35	1,14	0,22
4	Khi một bạn cư xử không đúng đắn, em nặng lời với bạn để bạn ấy thức tỉnh mà thực hiện những hành vi phù hợp.	3,08	1,139	2,89	1,19	2,12*
5	Khi bạn bè không thay đổi ý kiến về một vấn đề quan trọng nào đó, em nổi nóng và nặng lời với họ.	2,48	1,117	2,19	1,10	3,43**
6	Khi bạn bè xúc phạm em, em thấy đây là cơ hội để xúc phạm lại các bạn ấy.	2,21	1,260	1,73	1,00	5,43***
7	Em thích cười nhạo, chế giễu bạn bè khi các bạn ấy làm điều gì đó ngớ ngẩn đối với em như một cách để động não họ.	2,11	1,141	1,59	0,94	6,40***
8	Khi làm cách gì cũng không hiệu quả để khiến bạn bè làm theo điều em muốn, em sẽ lớn tiếng để họ thuận theo ý em.	2,06	1,142	1,79	1,03	3,29**
9	Khi không thể làm giảm uy tín của ai đó, em khiến họ cảm thấy bị kích động và hành xử theo cách có thể làm xấu đi hình ảnh của họ trong mắt mọi người.	1,87	1,071	1,62	0,96	3,25**
B. Ôn hoà		35,16	6,96	36,13	7,04	1,84
1	Em cực kỳ cẩn thận để tránh không hạ thấp khả năng của bạn bè khi em phản bác lại ý kiến của họ.	3,36	1,13	3,45	1,06	1,04
2	Em cố gắng để không làm bạn bè tự ti về bản thân họ khi em cố gắng khiến họ làm theo điều em muốn.	2,79	1,34	2,86	1,23	0,69
3	Khi một bạn hành xử trái với cách em mong đợi, em cố gắng thật nhẹ nhàng, từ tốn với bạn ấy.	3,36	1,18	3,43	1,07	0,82

4	Em cố gắng làm bạn bè không cảm thấy bản thân họ kém cỏi ngay cả khi ý kiến của họ là rất ngớ ngẩn đối với em.	3,14	1,23	3,31	1,21	1,84
5	Khi bạn bè chỉ trích những khuyết điểm của em, em đón nhận điều đó một cách vui vẻ và không cố gắng trả đũa lại.	3,20	1,29	3,23	1,27	0,27
6	Dù thực sự rất ghét ai đó, em vẫn cố gắng không thể hiện điều đó trong lời nói hay cách nói với họ.	3,30	1,29	3,22	1,32	0,77
7	Khi phản bác ý kiến của bạn bè, em cố gắng để không làm tổn thương cái tôi của họ.	3,46	1,27	3,65	1,16	2,00*
8	Khi cố gắng khiến bạn bè làm điều em muốn, em nỗ lực để không xúc phạm họ.	3,54	1,23	3,50	1,20	0,44
9	Khi cuộc tranh luận chuyển hướng thành những công kích mang tính cá nhân, em cố gắng chuyển đề tài.	3,12	1,24	3,21	1,18	0,99

Ghi chú: * $p < 0,05$; ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$

Kết quả của nghiên cứu này tương đồng với các nghiên cứu trước đây, chỉ ra rằng trẻ em trai thường xuyên sử dụng hành vi gây hấn bằng lời hơn trẻ em gái. Trong nghiên cứu của Kehily và Nayak (1997), các nam sinh tham gia vào những trận đấu khẩu, lăng mạ lẫn nhau như để đánh giá sự nam tính của nhau cũng như tạo ra sự hài hước. Thorne (1993) trong nghiên cứu dân tộc học tại một trường tiểu học tại Hoa Kỳ, đã phát hiện hành vi trêu chọc đa giới tính được xem như một phần của ranh giới giữa các giới tính, giúp thiết lập sự tách biệt về giới ở các em học sinh.

Trẻ em trai gắn kết thông qua việc gây hấn bằng lời đối với những trẻ em trai khác, được xem là yếu hơn, và thông qua việc trêu chọc các trẻ em gái, do đó tạo ra khoảng cách về địa vị xã hội giữa mình và những người khác. Những hành vi lạm dụng bằng lời nói, đặc biệt là dưới hình thức quấy rối tình dục, được các trẻ em trai xem như những lời nói đùa hoặc là những hành vi mang tính chất bình thường, gắn kết giữa bạn bè cùng giới (M.A.Eliasson, 2007). Eder và cộng sự (1997) nhận thấy việc trêu chọc và xúc phạm chủ yếu nhằm vào những học sinh có địa vị thấp trong trường học, thông qua những lời chế giễu và lăng mạ tình dục nhắm đến các bé trai, cũng như chế diễu sự kém hấp dẫn về mặt tính dục hướng đến các bé gái. Những học sinh nam có địa vị cao, ví dụ như các em giỏi những môn thể thao tại trường học, nhận được sự quan tâm đông đảo từ các bạn học sinh cùng giới hoặc khác giới thường dùng những lời lăng mạ như một cách thể hiện sự nam tính và khẳng định địa vị vượt trội của mình.

Trẻ em hai giới khi tham gia vào cùng một tương tác giữa các giới tính thường có cách hiểu khác nhau đối với cùng một sự kiện, trong khi trẻ em trai cho rằng đó chỉ là chơi đùa thì trẻ em gái nhận định bạo lực ngôn ngữ là những hành vi vi phạm. Mặc dù không chiếm tỉ lệ quá cao, song trong những tình huống xung đột, nữ sinh cũng thừa nhận đã

sử dụng ngôn từ bạo lực nhằm nâng cao sức mạnh và địa vị của mình (M.A.Eliasson và cộng sự, 2007). Tuy nhiên, càng lớn tuổi, các bé gái càng có xu hướng sử dụng những lời đàm tiếu sau lưng thay cho những lời chế giễu trực tiếp, bởi vì điều này giúp các em giảm nguy cơ bị đánh giá là thiếu tế nhị, ảnh hưởng đến tính nữ của mình. Đối với phần đông trẻ em gái, việc sử dụng hành vi bạo lực ngôn ngữ thể hiện sự thiếu nữ tính, thiếu trưởng thành, dễ bị gán ghép vào các tầng lớp thấp kém hơn [22]. Ngược lại, không có dấu hiệu việc giảm đi các hành vi chế giễu và xúc phạm bạn học ở học sinh nam theo độ tuổi.

Nhìn chung trong các trường hợp bắt nạt học đường, các bé trai được biết đến là mục tiêu gây hấn của các bạn ở cả hai giới, trong khi các bé gái chủ yếu bắt nạt các bé gái khác [16].

3.3. Hành vi bạo lực ngôn ngữ của học sinh trung học dưới lát cắt độ tuổi

Bên cạnh sự khác biệt về giới tính, việc thực hiện hành vi bạo lực ngôn ngữ của học sinh còn có sự khác biệt về độ tuổi. Những khách thể được khảo sát trong nghiên cứu này được chia thành hai độ tuổi tương ứng với hai cấp học ở Việt Nam: THCS và THPT. Kết quả kiểm định t-test ở Bảng 3 cho thấy học sinh THCS thực hiện các hành vi gây hấn nhiều hơn so với học sinh THPT, đặc biệt chênh lệch lớn nhất ở item “*Khi làm cách gì cũng không hiệu quả để khiến bạn bè làm theo điều em muốn, em sẽ lớn tiếng để họ thuận theo ý em*”. Còn đối với hành vi ôn hoà, học sinh THPT thực hiện nhiều hơn so với học sinh THCS, đặc biệt chênh lệch ở item “*Khi bạn bè chỉ trích những khuyết điểm của em, em đón nhận điều đó một cách vui vẻ và không cố gắng trả đũa lại*”.

Sự khác biệt về hành vi gây gấn ở các nhóm tuổi có thể giải thích bằng đặc điểm tâm sinh lý. Các nghiên cứu xã hội học cho thấy rằng tiếng lóng, trong đó việc sử dụng các từ ngữ là một phần, là một đặc điểm của ngôn ngữ thanh thiếu niên (Kotsinas 1994) [9]. Ở độ tuổi của học sinh THCS, sự phát triển thể chất diễn ra nhanh, mạnh và không đồng đều, đặc biệt các tuyến nội tiết hoạt động mạnh mẽ, dẫn đến một số rối loạn tạm thời trong hoạt động của hệ thần kinh. Những quá trình hưng phấn phát triển mạnh chiếm ưu thế rõ rệt và lan toả cả vùng dưới vỏ não. Do các quá trình hưng phấn mạnh, chiếm ưu thế và các quá trình ức chế có điều kiện bị suy giảm nên thiếu niên thường không làm chủ được xúc cảm, không kiềm chế được xúc động mạnh. Bởi vậy, thiếu niên dễ nổi nóng, hay có phản ứng vô cớ, dễ bị kích động, mất bình tĩnh... (Dương Diệu Hoa, 2011) [19]. Khả năng đánh giá của học sinh THCS còn hạn chế, chưa đủ khách quan. Khi đánh giá người khác, các em chỉ dựa vào những hành vi riêng lẻ chứ chưa biết đặt chúng vào trong mối quan hệ với những phẩm chất khác của nhân cách, nên các em thường đánh giá người khác một cách cứng nhắc. Tính dễ kích động ở học sinh trung học cơ sở dẫn đến những xúc cảm rất mạnh mẽ ở các em, nên đôi khi các em có xu hướng giao tiếp bạo lực. Tỷ lệ gây hấn bằng lời nói ở trường, dựa trên các nghiên cứu về hành vi gây hấn và bắt nạt, cho thấy diễn ra phổ biến nhất ở lứa tuổi 11-15 [17] [18]. Các hình thức gây hấn trực tiếp ngày càng được thay thế bằng các hình thức trực tiếp bằng lời nói và gián tiếp, được hiểu là do đòi hỏi các kỹ năng xã hội và lời nói phát triển hơn của đặc điểm lứa tuổi [10].

Bảng 3. Kết quả kiểm định t-test về sự khác biệt hành vi bạo lực ngôn ngữ giữa học sinh THCS và học sinh THPT

STT	Hành vi bạo lực ngôn ngữ	THCS		THPT		t(706)
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
Gây hấn		20,38	5,39	19,15	5,36	2,87**
1	Khi bạn không làm theo điều em muốn, em nói những lời xúc phạm để khiến bạn ấy thay đổi.	1,91	1,01	1,76	0,89	2,00*
2	Khi bạn bè từ chối làm một việc rất quan trọng với em mà không đưa ra lý do chính đáng, em nói với các bạn ấy rằng họ thật là vô lý.	2,62	1,32	2,74	1,27	1,24
3	Nếu một bạn đáng phải chịu sự công kích về tính cách từ em thì em sẽ làm điều đó.	2,40	1,18	2,34	1,11	0,69
4	Khi một bạn cư xử không đúng đắn, em nặng lời với bạn để bạn ấy thức tỉnh mà thực hiện những hành vi phù hợp.	2,96	1,16	2,98	1,18	0,21
5	Khi bạn bè không thay đổi ý kiến về một vấn đề quan trọng nào đó, em nổi nóng và nặng lời với họ.	2,40	1,17	2,28	1,09	1,36
6	Khi bạn bè xúc phạm em, em thấy đây là cơ hội để xúc phạm lại các bạn ấy.	2,14	1,20	1,84	1,10	3,15**
7	Em thích cười nhạo, chế giễu bạn bè khi các bạn ấy làm điều gì đó ngớ ngẩn đối với em như một cách để động não họ.	1,87	1,05	1,79	1,06	1,00
8	Khi làm cách gì cũng không hiệu quả để khiến bạn bè làm theo điều em muốn, em sẽ lớn tiếng để họ thuận theo ý em.	2,16	1,22	1,79	0,99	4,05***
9	Khi không thể làm giảm uy tín của ai đó, em khiến họ cảm thấy bị kích động và hành xử theo cách có thể làm xấu đi hình ảnh của họ trong mắt mọi người.	1,92	1,05	1,63	0,99	3,49***
B. Ôn hoà		32,09	6,84	37,43	6,40	10,05***
1	Em cực kỳ cẩn thận để tránh không hạ thấp khả năng của bạn bè khi em phản bác lại ý kiến của họ.	3,04	1,11	3,59	1,03	6,42***
2	Em cố gắng để không làm bạn bè tự ti về bản thân họ khi em cố gắng khiến họ làm theo điều em muốn.	2,46	1,21	3,01	1,27	5,53***
3	Khi một bạn hành xử trái với cách em mong đợi, em cố gắng thật nhẹ nhàng, từ tốn với bạn ấy.	3,19	1,18	3,49	1,08	3,24**
4	Em cố gắng làm bạn bè không cảm thấy bản thân họ kém cỏi ngay cả khi ý kiến	2,93	1,30	3,38	1,15	4,53***

	của họ là rất ngớ ngẩn đối với em.					
5	Khi bạn bè chỉ trích những khuyết điểm của em, em đón nhận điều đó một cách vui vẻ và không cố gắng trả đũa lại.	2,84	1,32	3,39	1,22	5,31***
6	Dù thực sự rất ghét ai đó, em vẫn cố gắng không thể hiện điều đó trong lời nói hay cách nói với họ.	2,92	1,37	3,41	1,25	4,61***
7	Khi phản bác ý kiến của bạn bè, em cố gắng để không làm tổn thương cái tôi của họ.	3,04	1,27	3,83	1,09	8,05***
8	Khi cố gắng khiến bạn bè làm điều em muốn, em nỗ lực để không xúc phạm họ.	3,15	1,25	3,69	1,15	5,60***
9	Khi bạn bè làm điều gì đó không tự tế với em, em bình phẩm tính cách của họ để sửa chữa các hành vi ấy cho họ	2,88	1,22	3,05	1,15	1,69*
10	Em từ chối tham gia vào các cuộc tranh luận khi nó liên quan đến việc công kích mang tính cá nhân	2,84	1,39	3,26	1,40	3,82***
11	Khi cuộc tranh luận chuyển hướng thành những công kích mang tính cá nhân, em cố gắng chuyển đề tài.	2,78	1,23	3,36	1,15	6,01***

Ghi chú: * $p < 0,05$; ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$

Khác với độ tuổi học sinh THPT, tuổi THPT là thời kỳ phát triển êm ả về mặt sinh lý. Quá trình hưng phấn, ức chế và mối quan hệ giữa chúng đã được hình thành tương đối ổn định, hoàn thiện; chấm dứt giai đoạn khủng hoảng của thời kỳ phát dục để chuyển sang thời kỳ ổn định hơn, cân bằng hơn xét cả trên các mặt hoạt động hưng phấn, ức chế của hệ thần kinh cũng như các mặt phát triển khác về thể chất. Các em ý thức rất rõ những diễn biến tâm lý bên trong như tâm trạng, tâm thế, thái độ và cả những nguyên nhân gây ra chúng. Các em đã có thể biết kiềm chế khi cần thiết. Học sinh THPT không chỉ nhận thức được từng cử chỉ, hành vi, thuộc tính riêng lẻ mà còn nhận thức được nhân cách một cách trọn vẹn, hoàn chỉnh. Sự thận thức bản thân, sự phân tích bản thân đã trở thành yếu tố của sự tự xác định về mặt đạo đức - xã hội của học sinh trung học phổ thông. Bên cạnh đó, thanh thiếu niên còn có nhu cầu được khen ngợi, được thừa nhận, nhận được sự tôn trọng, tin tưởng từ người lớn và bạn bè xung quanh. Để thỏa mãn nhu cầu này, thanh niên cần đáp ứng được những yêu cầu nhất định mà tập thể và xã hội đặt ra (Nguyễn Bá Phú, 2013) [20]. Các em phải phục tùng những chuẩn mực xã hội, trong đó có chuẩn mực về giao tiếp. Điều này có thể giải thích tại sao học sinh THPT có xu hướng giao tiếp ôn hoà cao hơn học sinh THCS.

Nhóm khách thể thanh thiếu niên THPT được khảo sát trong nghiên cứu này chỉ bao gồm những học sinh đang theo học lớp 10 và 11, không có học sinh lớp 12; trong khi đó, xét về mức độ trưởng thành, học sinh lớp 12 là trưởng thành nhất. Để có thể rút ra những kết luận xác đáng hơn về hành vi lệch chuẩn theo nhóm tuổi, những nghiên cứu trong tương lai cần được thực hiện trên đầy đủ khối lớp trong từng bậc học.

4. KẾT LUẬN

Thống nhất với các nghiên cứu trong cùng lĩnh vực trước đó, kết quả của nghiên cứu này cho thấy học sinh thực hiện hành vi bạo lực ngôn ngữ ở các mức độ khác nhau, nhưng nhìn chung chỉ số của các hành vi ôn hoà vẫn cao hơn hẳn so với hành vi gây hấn. Một số hành vi gây hấn có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng vẫn còn tồn tại ở các em học sinh với tỷ lệ lớn như “Nặng lời”, “Công kích về tính cách” hoặc “Xúc phạm”.

Hành vi bạo lực ngôn ngữ có sự khác biệt về giới tính và độ tuổi. Học sinh nam có xu hướng thực hiện các hành vi gây hấn nhiều hơn học sinh nữ. Học sinh THCS thể hiện hành vi gây hấn nhiều hơn học sinh THPT và học sinh THPT thực hiện hành vi ôn hoà nhiều hơn học sinh THCS.

Tuy biểu hiện của hành vi bạo lực ngôn ngữ ở học sinh trung học trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế chưa ở mức quá cao, nhưng cũng cần có sự quan tâm, tác động đúng đắn từ phía gia đình, nhà trường và xã hội để hướng các em đến cách thức giao tiếp tích cực, giảm thiểu những biểu hiện hung tính về ngôn ngữ. Trong đó, rèn luyện giao tiếp phi bạo lực (non-violent communication) được xem là một hướng tiếp cận mới mẻ, nhưng có tính hiệu quả bền vững trong việc giúp trẻ giảm thiểu các hành vi gây hấn bằng lời và quản lý tốt xung đột liên nhân cách (Nosek và Durán, 2017) [21]. Mặc dù đã có nhiều công trình chứng minh độ hiệu quả của giao tiếp phi bạo lực, song các nghiên cứu tương lai cần thiết triển khai nghiên cứu ở mức độ sâu hơn về vấn đề bạo lực ngôn ngữ và đánh giá, triển khai các mô hình phòng ngừa hung tính trong giao tiếp của học sinh trong tương lai.

* Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế trong đề tài mã số T.20-XH.SV-03.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Attar-Schwartz, S., Khoury-Kassabri, M. (2015). Indirect and verbal victimization by peers among at-risk youth in residential care, *Child Abuse & Neglect*, 42, 84–98. doi:10.1016/j.chiabu.2014.12.007.
- [2] Bhatla, N., Achyut, P., Khan, N., Walia, S. (2014). *Are schools safe and equal places for girls and boys in Asia?* International Center for Research on Woman (ICRW) and Plan International.
- [3] Brendgen, M. (2006). Verbal Abuse by the Teacher and Child Adjustment From Kindergarten Through Grade 6, *Pediatrics*, 117(5), 1585–1598. doi:10.1542/peds.2005-2050.
- [4] Crick, N. R., Grotpeter, J. K. (1996). Children's treatment by peers: Victims of relational and overt aggression, *Development and psychopathology*, 8(2), 367–380.
- [5] Eder D., Evans C. Parker S. (1997). *School talk. Gender and adolescent culture*, New Brunswick, Rutgers University Press.
- [6] M. A. Eliasson, Kerstin Isaksson & Lucie Laflamme (2007). Verbal abuse in school. Constructions of gender among 14- to 15-year-olds, *Gender and Education*, 19(5), 587–605.

- [7] Infante, D. A., Wigley, C. J., III. (1986). Verbal aggressiveness: An interpersonal model and measure, *Communication Monographs*, 53, 63–69. doi:10.1080/03637758609376126
- [8] Kehily M.J., Nayak A. (1997). Lads and laughter: Humor and the production of heterosexual hierarchies, *Gender and Education* 9(1), 69-87.
- [9] Kotsinas U.B. (1994). *Ungdomsspråk* [Youth language] Uppsala, Hallgren & Fallgren.
- [10] Laflamme L., Engström K., Möller J., Hallqvist J. (2003). Peer victimization during early adolescence: An injury trigger, an injury mechanism and a frequent exposure in school, *International Journal of Adolescent Medicine and Health* 15(3), 267-279.
- [11] Osofsky, J. D. (1999). The Impact of Violence on Children, *The Future of Children*, 9(3), 33. doi:10.2307/1602780.
- [12] Trần Thị Tú Anh, Nguyễn Phước Cát Tường, Đinh Thị Hồng Vân (2019). Thích nghi hoá thang đo Gây hấn bằng lời trên nhóm tuổi vị thành niên, *Tạp chí Tâm lý học*, Số 1 (238), 19 – 31, Viện hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
- [13] Thorne, B. (1993). *Gender play: Girls and boys in school*, Rutgers University Press.
- [14] Holly, K. (2012). *Effects of Verbal Abuse on Children, Women and Men*, *Healthy Place*, Retrieved on 2021, September 3 from: <http://www.healthyplace.com/abuse/verbal-abuse/effects-of-verbal-abuse-on-children-women-and-men>.
- [15] Whitney, I., Smith, P. K. (1993). A survey of the nature and extent of bullying in junior/middle and secondary schools, *Educational Research*, 35(1), 3-25. <https://doi.org/10.1080/0013188930350101>.
- [16] M.Paz Toldos (2005). Sex and age differences in self-estimated physical, verbal and indirect aggression in Spanish adolescents, *Aggressive Behavior*, Volume 31, Issue 1, p.13-23.
- [17] Perry, D.G., Kusel, S.J., Perry, L.C. (1988). Victims of peer aggression, *Developmental Psychology*, 24(6), 807–814. <https://doi.org/10.1037/0012-1649.24.6.807>.
- [18] Dương Diệu Hoa (Chủ biên 2011). *Giáo trình Tâm lý học phát triển*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [19] Nguyễn Bá Phú (2013). *Giáo trình Tâm lý học phát triển*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [20] Nosek, M., Durán, M. (2017). Increasing Empathy and Conflict Resolution Skills through Nonviolent Communication (NVC) Training in Latino Adults and Youth. Progress in Community Health Partnerships: Research, *Education and Action*, 11(3), 275–283. doi:10.1353/cpr.2017.0032.
- [21] Mirriam A.Eliasson (2007). *Verbal abuse in school. Constructing gender and age in social interaction*, Karolinska Institutet, Department of Public Health Sciences, Division of Social Medicine, Norrbacka SE-171 76 Stockholm, Sweden.
- [22] Eliasson, M. A., Isaksson, K., Laflamme, L. (2007). Verbal abuse in school: Constructions of gender among 14- to 15-year-olds, *Gender and Education*, 19(5), 587–605. doi:10.1080/09540250701535600.

Title: THE SITUATION OF VERBAL ABUSE OF SECONDARY SCHOOL STUDENTS IN THUA THIEN HUE PROVINCE

Abstract: Verbal abuse in school has been identified as a commonplace component. Although it has negative consequences for the individual's relationship and well-being, little attention has been diverted towards verbal abuse of children from researchers, educators as well as society. This article presents the current situation of verbal abuse of secondary school students at Thua Thien Hue province. 708 students from two secondary schools and two high schools in Thua Thien Hue province participated in answering the questionnaire. The survey shows that students employed verbal abuse at different levels. They often situated the most intense use of "*use insults to soften the stubbornness*", "*tell them they are unreasonable*", "*lose my temper and say rather strong things to them*"... There are differences in verbal abuse in terms of gender and age. In order to effectively verbal abuse prevention and intervention strategies, educators must partner with families and communities.

Keywords: Verbal abuse, secondary school students, high school students, Thua Thien Hue province.